

BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY NHẪM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC VÀ PHẨM CHẤT NGƯỜI HỌC CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

LÊ THỊ CẨM LỆ
Trường Đại học Tây Nguyên

Nhận bài ngày 20/6/2026. Sửa chữa xong 20/7/2026. Duyệt đăng 22/7/2026.

Abstract

This study examines the current status of lesson plan design competence for developing pupils' qualities and competencies among primary education students at Tay Nguyen University. The research employed document analysis, a questionnaire survey of 153 students, in-depth interviews with 10 students, and analysis of student-designed lesson plans. The findings indicate that participants had a relatively positive awareness of the role of competency-based lesson planning. However, their practical competence remained at an average level, particularly in formulating observable and assessable learning objectives, adapting learning activities to mountainous and ethnic minority contexts, selecting appropriate learning materials, and designing assessment tools. The study provides evidence for improving teacher education and strengthening professional competence development for prospective primary school teachers.

Keywords: Lesson plan design competence, learner qualities and competencies, professional competence development, primary education students, Tay Nguyen University.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 nhấn mạnh yêu cầu chuyển từ tiếp cận nội dung sang phát triển phẩm chất và năng lực người học (Ban Chấp hành Trung ương, 2013; Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Sự thay đổi này đòi hỏi giáo viên tiểu học (GVTH) không chỉ nắm vững nội dung dạy học mà còn phải có năng lực thiết kế kế hoạch bài dạy (KHBD) theo hướng tổ chức hoạt động học tập tích cực, giúp học sinh (HS) hình thành và phát triển các năng lực và phẩm chất cần thiết. Vì vậy, trong đào tạo GVTH, bồi dưỡng năng lực thiết kế KHBD theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất người học cho sinh viên (SV) là nhiệm vụ quan trọng, góp phần chuẩn bị năng lực nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu đổi mới GDPT.

Khả năng thiết kế KHBD là một năng lực nghề nghiệp cốt lõi của GV, thể hiện ở khả năng xác định mục tiêu bài học, lựa chọn nội dung, phương pháp, học liệu, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học và cách thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với yêu cầu cần đạt của chương trình và đặc điểm HS. Một KHBD theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất cần bảo đảm sự gắn kết giữa mục tiêu học tập, hoạt động học tập và đánh giá kết quả học tập; đồng thời tạo cơ hội cho HS được tham gia, thực hành, hợp tác, vận dụng kiến thức vào tình huống thực tiễn (Phạm Thị Thu Hiền, 2023; Kiều Thu Linh và cộng sự, 2024). Các nghiên cứu gần đây cũng cho thấy việc phát triển năng lực thiết kế KHBD nên hình thành từ sớm cho SV sư phạm ngành Giáo dục Tiểu học (GDTH) cần được thực hiện thông qua phân tích chương trình, thiết kế hoạt động học, thực hành dạy thử, phản hồi và điều chỉnh KHBD (Nguyễn Thị Phương Nhung, 2025; Süral, 2019). Tuy nhiên, trong thực tiễn đào tạo SV ngành GDTH, năng lực thiết kế KHBD theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất vẫn còn nhiều hạn chế. SV thường gặp khó khăn trong

Email: ltcle@ttn.edu.vn

việc xác định mục tiêu theo yêu cầu cần đạt, thiết kế chuỗi hoạt động học, lựa chọn phương pháp phù hợp, xây dựng công cụ đánh giá và gắn bài học với bối cảnh thực tiễn của HS tiểu học. Đối với Trường Đại học Tây Nguyên, việc bồi dưỡng năng lực này càng có ý nghĩa quan trọng vì SV sau khi tốt nghiệp có thể giảng dạy ở nhiều địa bàn khác nhau, trong đó có vùng miền núi, vùng dân tộc thiểu số với đặc điểm HS, ngôn ngữ, văn hóa và điều kiện giáo dục đa dạng. Vì vậy, nghiên cứu bồi dưỡng năng lực thiết kế KHBD phát triển năng lực và phẩm chất cho SV ngành GDTH tại Trường Đại học Tây Nguyên là cần thiết, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo GVTH, đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tài liệu nhằm xây dựng cơ sở lí luận về năng lực thiết kế KHBD phát triển năng lực và phẩm chất cho SV ngành GDTH. Các tài liệu được xem xét gồm văn bản chỉ đạo về đổi mới GDPT, Chương trình GDPT 2018, tài liệu bồi dưỡng GVTH, các công trình nghiên cứu về KHBD, thiết kế bài học, phát triển năng lực, phẩm chất HS và đào tạo năng lực nghề nghiệp cho SV sư phạm. Trên cơ sở đó, nghiên cứu xác định các thành tố của năng lực thiết kế KHBD, gồm: nhận thức về KHBD phát triển phẩm chất, năng lực; xác định mục tiêu bài học; thiết kế nội dung và hoạt động học; lựa chọn phương pháp, phương tiện, học liệu; thiết kế kiểm tra, đánh giá và nhu cầu bồi dưỡng của SV. Bên cạnh đó, nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi trên 153 SV đang theo học ngành GDTH tại Trường Đại học Tây Nguyên. Bảng hỏi được thiết kế nhằm khảo sát thực trạng năng lực thiết kế KHBD cho SV. Nội dung bảng hỏi gồm hai phần. Phần 1 thu thập thông tin chung của người tham gia như năm học, giới tính, kết quả học tập, tình trạng đã học các học phần phương pháp dạy học, kinh nghiệm thiết kế KHBD và kinh nghiệm kiến tập, thực tập sư phạm. Phần 2 khảo sát các nội dung chính của năng lực thiết kế KHBD, bao gồm: nhận thức về KHBD phát triển phẩm chất, năng lực; năng lực xác định mục tiêu bài học; năng lực thiết kế nội dung và hoạt động học; năng lực lựa chọn phương pháp, phương tiện, học liệu; năng lực thiết kế kiểm tra, đánh giá và nhu cầu bồi dưỡng năng lực thiết kế KHBD của SV.

Các mục trong bảng hỏi được thiết kế theo thang Likert 5 mức, tương ứng với điểm số từ 1 đến 5: 1 là rất thấp, 2 là thấp, 3 là trung bình, 4 là cao và 5 là rất cao. Điểm trung bình (ĐTB) được diễn giải theo 5 khoảng: 1,00-1,80 là rất thấp; 1,81-2,60 là thấp; 2,61-3,40 là trung bình; 3,41-4,20 là cao; 4,21-5,00 là rất cao. Dữ liệu khảo sát được xử lí bằng thống kê mô tả, gồm tần suất, tỉ lệ phần trăm, ĐTB và độ lệch chuẩn (ĐLC) nhằm phản ánh mức độ biểu hiện của từng thành tố năng lực. Độ tin cậy của thang đo được kiểm định bằng hệ số Cronbach's Alpha nhằm đánh giá mức độ nhất quán nội tại của các items trong từng nhóm nội dung. Ngoài ra, chúng tôi còn sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu và phân tích sản phẩm học tập của SV. Phỏng vấn sâu được thực hiện với 10 SV nhằm làm rõ hơn những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thiết kế KHBD phát triển phẩm chất, năng lực. Phân tích sản phẩm học tập được tiến hành trên các KHBD do SV thiết kế, tập trung vào các tiêu chí như xác định mục tiêu, thiết kế chuỗi hoạt động học, lựa chọn phương pháp và học liệu, xây dựng nhiệm vụ học tập, thiết kế đánh giá và mức độ phù hợp với đặc điểm HS tiểu học. Mẫu nghiên cứu được lựa chọn theo phương pháp phi xác suất, kết hợp mẫu thuận tiện và mẫu định mức nhằm phản ánh tương đối thực trạng năng lực thiết kế KHBD của SV ngành GDTH tại Trường Đại học Tây Nguyên.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Đặc tính nhân khẩu của khách thể tham gia

Bảng 1: Đặc điểm nhân khẩu của nhóm khách thể tham gia

Biến	Thuộc tính	n = 153	
		SL	%
Năm học	Năm thứ nhất	25	16,3
	Năm thứ hai	38	24,8
	Năm thứ ba	47	30,7
	Năm thứ tư	43	28,1

Giới tính	Nam	29	19,0
	Nữ	124	81,0
Vùng miền	Vùng núi	67	43,8
	Thành thị	86	56,2
Dân tộc	Kinh	64	41,8
	Khác	89	58,2
Đi dạy kèm	Có	72	47,1
	Không	81	52,9
Tìm hiểu PPDH tích cực	Có	106	69,3
	Không	47	30,7

Kết quả ở bảng 1 cho thấy mẫu nghiên cứu gồm 153 SV ngành GDTH tại Trường Đại học Tây Nguyên. Kết quả cho thấy mẫu khảo sát có sự đa dạng nhất định về năm học, vùng miền, dân tộc và kinh nghiệm học tập - thực hành, phù hợp để khảo sát thực trạng năng lực thiết kế KHBD phát triển năng lực và phẩm chất của SV.

3.2. Năng lực nhận thức của sinh viên

3.2.1. Nhận thức về vai trò của năng lực thiết kế kế hoạch bài dạy của sinh viên

Để thăm dò mức độ đánh giá tầm quan trọng của SV về năng lực thiết kế KHBD nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho HS, chúng tôi đã thiết kế câu hỏi tự đánh giá từ mức không quan trọng đến mức rất quan trọng. Kết quả cho thấy SV có nhận thức khá tích cực về vai trò của năng lực thiết kế KHBD nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho HS. Cụ thể, có 79 SV, chiếm 51,6%, đánh giá năng lực này ở mức quan trọng và 40 SV, chiếm 26,1%, đánh giá ở mức rất quan trọng. Như vậy, tổng cộng có 77,7% SV nhận thức rõ vai trò quan trọng của năng lực thiết kế bài dạy trong quá trình tổ chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất HS. Bên cạnh đó, vẫn còn 24 SV, chiếm 15,7%, ở mức phân vân. Điều này cho thấy một bộ phận SV chưa thật sự chắc chắn về ý nghĩa và vai trò của năng lực thiết kế KHBD đối với hoạt động nghề nghiệp tương lai. Ngoài ra, có 3 SV cho rằng năng lực này không quan trọng và 7 SV cho biết ít quan trọng, chiếm 6,6%. Tỷ lệ này tuy không cao nhưng vẫn cho thấy cần tiếp tục nâng cao nhận thức cho SV về yêu cầu đổi mới GDPT hiện nay.

3.2.2. Nhận thức của sinh viên về nội dung thiết kế kế hoạch bài dạy nhằm phát triển năng lực và phẩm chất cho người học

Nội dung nhận thức về việc thiết kế KHBD nhằm phát triển năng lực và phẩm chất cho HS được xem là cơ sở đầu tiên để đánh giá năng lực thiết kế KHBD của SV ngành GDTH. Trước khi có thể xây dựng một KHBD phù hợp, SV cần hiểu rõ yêu cầu của Chương trình GDPT 2018, đặc biệt là định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS thông qua các hoạt động học tập. Nhận thức đúng sẽ giúp SV không chỉ xem KHBD là một văn bản chuẩn bị lên lớp mà còn là công cụ sư phạm quan trọng để tổ chức, điều khiển và đánh giá quá trình học tập của HS. Kết quả thăm dò nhận thức về nội dung thiết kế bài giảng được chúng tôi tổng hợp trong bảng 2.

Bảng 2: Nhận thức của SV về việc thiết kế KHBD nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho HS

Nội dung	ĐTB	Mức độ	ĐLC	Tần số theo mức lựa chọn				
				1	2	3	4	5
1. Hiểu yêu cầu của Chương trình GDPT 2018 về phát triển năng lực và phẩm chất HS tiểu học	3,60	Cao	1,41	16	24	25	28	60
2. Hiểu vai trò của KHBD trong việc tổ chức hoạt động học tập cho HS.	3,64	Cao	1,38	18	16	27	34	58
3. Phân biệt được KHBD theo định hướng nội dung và KHBD theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực	3,17	Trung bình	1,40	23	32	32	28	38
4. Hiểu cấu trúc cơ bản của một KHBD ở cấp tiểu học	3,49	Cao	1,41	20	20	31	29	53

5. Hiểu mối quan hệ giữa mục tiêu bài học, hoạt động học tập và đánh giá kết quả học tập	3,55	Cao	1,38	15	26	27	30	55
ĐTB chung	3,49	Mức độ			Cao			

Ghi chú: 1. Hoàn toàn đồng ý; 2. Đồng ý một phần; 3. Phân vân; 4. Đồng ý; 5. Hoàn toàn đồng ý

Kết quả khảo sát cho thấy nhận thức của SV về KHBD phát triển năng lực và phẩm chất đạt ĐTB chung = 3,49, thuộc mức cao. Điều này phản ánh phần lớn SV đã có nhận thức tương đối tích cực về yêu cầu, vai trò và cấu trúc của KHBD theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất HS tiểu học. Kết quả phỏng vấn sâu 10 SV cũng cho thấy đa số SV hiểu rằng KHBD không chỉ là bản chuẩn bị nội dung lên lớp mà còn là công cụ giúp GV định hướng hoạt động học tập, lựa chọn phương pháp, học liệu và đánh giá phù hợp với mục tiêu phát triển HS.

Trong các nội dung khảo sát, nội dung 2. *Hiểu vai trò của KHBD trong việc tổ chức hoạt động học tập cho HS* có ĐTB cao nhất, đạt 3,64, thuộc mức cao. Có 92 SV lựa chọn mức 4 và 5. Kết quả này cho thấy nhiều SV đã nhận thức được vai trò quan trọng của KHBD trong việc tổ chức tiến trình dạy học. Qua phỏng vấn sâu, 10/10 SV cho rằng nếu không có KHBD rõ ràng thì GV dễ bị lệ thuộc vào sách giáo khoa, khó chủ động tổ chức hoạt động học tập và khó kiểm soát mức độ tham gia của HS.

Các nội dung 1, 4 và 5 đều đạt mức cao, với ĐTB lần lượt là 3,60; 3,55 và 3,49, cho thấy SV đã có nhận thức tương đối tốt về yêu cầu của Chương trình GDPT 2018, mối quan hệ giữa mục tiêu bài học, hoạt động học tập và đánh giá cũng như cấu trúc cơ bản của một KHBD ở cấp tiểu học. Tuy nhiên, kết quả phân bố tần số và phỏng vấn sâu cho thấy nhận thức này chưa thật sự đồng đều. Một số SV (3/10; 30%) mới hiểu yêu cầu phát triển năng lực và phẩm chất ở mức khái quát, còn lúng túng khi chuyển hóa yêu cầu cần đạt thành mục tiêu, hoạt động, sản phẩm học tập và tiêu chí đánh giá cụ thể. Bên cạnh đó, dù đã được tiếp cận mẫu KHBD trong các học phần Phương pháp dạy học, một bộ phận SV (6/10; 60%) vẫn chưa tự tin khi tự thiết kế đầy đủ các thành phần của KHBD.

Đáng chú ý, nội dung 3. *Phân biệt được KHBD theo định hướng nội dung và KHBD theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất* có ĐTB thấp nhất, đạt 3,17, thuộc mức trung bình. Có 55 SV chọn mức 1 và 2, và 32 SV chọn mức phân vân. Kết quả phỏng vấn sâu củng cố thêm nhận định này: nhiều SV vẫn chủ yếu phân biệt hai loại KHBD dựa trên hình thức trình bày, trong khi chưa nhận diện rõ sự khác biệt về bản chất như cách xác định mục tiêu, cách tổ chức hoạt động học, vai trò của HS và cách đánh giá năng lực.

Nhìn chung, kết quả khảo sát định lượng và phỏng vấn sâu cho thấy SV có nhận thức tương đối tốt về KHBD phát triển phẩm chất, năng lực. Tuy nhiên, hạn chế nổi bật là khả năng hiểu sâu bản chất của KHBD theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực, đặc biệt trong việc phân biệt với KHBD theo định hướng nội dung và gắn kết mục tiêu, hoạt động học với đánh giá. Vì vậy, hoạt động bồi dưỡng cần tăng cường phân tích KHBD mẫu, so sánh các dạng KHBD, tổ chức thực hành thiết kế bài học và phản hồi trực tiếp trên sản phẩm của SV.

3.3. Thực trạng năng lực thiết kế kế hoạch bài dạy nhằm phát triển năng lực và phẩm chất cho người học của sinh viên

Năng lực thiết kế bài dạy nhằm phát triển năng lực và phẩm chất cho người học được xem xét qua bốn nhóm năng lực thành phần: xác định mục tiêu bài học; thiết kế nội dung và hoạt động học; lựa chọn phương pháp, phương tiện và học liệu; thiết kế kiểm tra, đánh giá. Kết quả khảo sát được trình bày trong bảng 3.

Bảng 3: Biểu hiện các năng lực thành phần của năng lực thiết kế KHBD nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho người học

Nội dung	ĐTB	Mức độ	ĐLC	Tần số theo mức lựa chọn				
				1	2	3	4	5
A. Năng lực xác định mục tiêu bài học								
1. Xác định yêu cầu cần đạt của bài học dựa trên chương trình môn học.	3,59	Cao	1,34	14	23	27	36	53

2. Viết mục tiêu bài học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS.	3,60	Cao	1,39	15	24	27	28	59
3. Xác định phẩm chất cần hình thành cho HS qua bài học.	3,31	Trung bình	1,50	29	19	28	29	48
4. Xác định năng lực chung và năng lực đặc thù cần phát triển trong bài học.	3,45	Cao	1,44	22	22	25	33	51
5. Viết mục tiêu bài học bằng các động từ có thể quan sát và đánh giá được.	3,18	Trung bình	1,41	24	30	31	30	38
B. Năng lực thiết kế nội dung và hoạt động học								
1. Lựa chọn nội dung dạy học phù hợp với mục tiêu bài học.	3,68	Cao	1,32	13	21	23	41	55
2. Thiết kế chuỗi hoạt động học gồm khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập và vận dụng.	3,42	Cao	1,41	24	16	30	38	45
3. Thiết kế hoạt động học tạo cơ hội cho HS quan sát, trao đổi, thực hành và trình bày kết quả.	3,78	Cao	1,34	14	15	27	31	66
4. Xây dựng nhiệm vụ học tập phù hợp với đặc điểm HS tiểu học.	3,58	Cao	1,39	18	18	31	30	56
5. Gắn nội dung bài học với tình huống thực tiễn gần gũi với HS.	3,59	Cao	1,42	20	18	23	36	56
6. Điều chỉnh hoạt động học phù hợp với HS ở vùng miền núi, dân tộc thiểu số.	2,93	Trung bình	1,47	33	35	29	21	35
C. Năng lực lựa chọn phương pháp, phương tiện và học liệu								
1. Lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp với mục tiêu và nội dung bài học.	3,52	Cao	1,29	16	19	28	49	41
2. Sử dụng các phương pháp dạy học tích cực như thảo luận nhóm, trò chơi học tập, đóng vai, giải quyết vấn đề.	3,57	Cao	1,30	13	22	31	39	48
3. Lựa chọn học liệu phù hợp với nội dung bài học và đặc điểm HS.	3,50	Cao	1,45	17	30	25	22	59
4. Thiết kế phiếu học tập, tranh ảnh, vật thật, video hoặc học liệu số để hỗ trợ bài dạy.	3,25	Trung bình	1,44	27	23	27	36	40
5. Sử dụng phương tiện dạy học nhằm tăng sự tham gia của HS.	3,53	Cao	1,40	20	18	28	35	52
6. Nắm bắt những khó khăn của HS khi tham gia hoạt động học.	3,35	Trung bình	1,42	22	27	22	40	42
D. Năng lực thiết kế kiểm tra, đánh giá								
1. Xác định nội dung cần đánh giá trong từng hoạt động học.	3,24	Trung bình	1,41	24	26	32	31	40
2. Lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp với mục tiêu bài học.	3,24	Trung bình	1,41	26	22	32	36	37
3. Xây dựng câu hỏi, bài tập hoặc nhiệm vụ đánh giá năng lực HS.	3,11	Trung bình	1,42	29	27	26	40	31
4. Thiết kế tiêu chí đánh giá sản phẩm học tập của HS.	3,13	Trung bình	1,42	28	27	28	37	33
5. Sử dụng nhận xét, phản hồi tích cực để hỗ trợ HS điều chỉnh hoạt động học.	3,43	Cao	1,46	22	23	29	25	54
6. Gắn đánh giá thường xuyên với quá trình tổ chức hoạt động học.	3,14	Trung bình	1,48	30	27	28	28	40
ĐTB chung	3,40	Mức độ	Trung bình					

Ghi chú: 1. Không bao giờ; 2. Hiếm khi; 3. Thành thạo; 4. Thường xuyên; 5. Luôn luôn

Kết quả ở bảng 3 cho thấy năng lực thiết kế KHBD của SV đạt ĐTB chung = 3,40, thuộc mức trung bình. Điều này phản ánh SV đã có khả năng thực hiện một số thao tác cơ bản trong thiết kế KHBD

nhưng mức độ thành thạo chưa cao và chưa đồng đều giữa các năng lực thành phần. Qua phỏng vấn sâu, nhiều SV cho biết đã được tiếp cận mẫu KHBD trong các học phần Phương pháp dạy học, tuy nhiên khi tự thiết kế một bài dạy hoàn chỉnh vẫn còn phụ thuộc nhiều vào mẫu có sẵn, đặc biệt ở phần xác định năng lực, thiết kế hoạt động học và xây dựng công cụ đánh giá.

Ở nhóm năng lực xác định mục tiêu bài học, các nội dung “xác định yêu cầu cần đạt của bài học dựa trên chương trình môn học” và “viết mục tiêu bài học theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất HS” đều đạt mức cao, với ĐTB lần lượt là 3,59 và 3,60. Tuy nhiên, các nội dung “xác định phẩm chất cần hình thành cho HS qua bài học” và “viết mục tiêu bằng các động từ có thể quan sát và đánh giá được” chỉ đạt mức trung bình. Kết quả phỏng vấn cho thấy SV thường viết được mục tiêu ở dạng khái quát nhưng còn lúng túng khi cụ thể hóa mục tiêu thành các biểu hiện có thể quan sát, đo lường. Khi phân tích sản phẩm KHBD, một số bài còn viết mục tiêu chung chung, chưa tách rõ yêu cầu về kiến thức, năng lực và phẩm chất.

Ở nhóm năng lực thiết kế nội dung và hoạt động học, phần lớn nội dung đạt mức cao, trong đó cao nhất là “thiết kế hoạt động học tạo cơ hội cho HS quan sát, trao đổi, thực hành và trình bày kết quả” với ĐTB = 3,78. Điều này cho thấy SV đã bước đầu chú ý đến vai trò chủ động của HS trong quá trình học tập. Tuy nhiên, nội dung “điều chỉnh hoạt động học phù hợp với HS ở vùng miền núi, dân tộc thiểu số” chỉ đạt ĐTB = 2,93, thuộc mức trung bình và là một trong những điểm hạn chế rõ nhất. Qua phỏng vấn cho thấy, nhiều SV thừa nhận các em thường thiết kế hoạt động theo mẫu chung, chưa biết cách điều chỉnh ngôn ngữ, học liệu, tình huống và nhiệm vụ học tập cho phù hợp với HS vùng miền núi hoặc HS dân tộc thiểu số. Sản phẩm KHBD cũng cho thấy phần liên hệ thực tiễn địa phương còn ít, chủ yếu dừng ở ví dụ quen thuộc trong sách giáo khoa.

Ở nhóm năng lực lựa chọn phương pháp, phương tiện và học liệu, các nội dung như lựa chọn phương pháp dạy học, sử dụng phương pháp dạy học tích cực, lựa chọn học liệu và sử dụng phương tiện dạy học đều đạt mức cao. Tuy nhiên, nội dung “thiết kế phiếu học tập, tranh ảnh, vật thật, video hoặc học liệu số để hỗ trợ bài dạy” đạt ĐTB = 3,25, và “nhắm bắt những khó khăn của HS khi tham gia hoạt động học” đạt ĐTB = 3,35, đều thuộc mức trung bình. Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy SV có thể nêu tên các phương pháp dạy học tích cực nhưng khi đưa vào KHBD lại chưa thật sự linh hoạt. Một số sản phẩm KHBD có sử dụng trò chơi, thảo luận nhóm hoặc phiếu học tập nhưng nhiệm vụ học tập còn đơn giản, chưa thể hiện rõ vai trò hỗ trợ HS đạt được mục tiêu bài học.

Ở nhóm năng lực thiết kế kiểm tra, đánh giá, hầu hết các nội dung chỉ đạt mức trung bình như xác định nội dung cần đánh giá, lựa chọn hình thức đánh giá, xây dựng câu hỏi hoặc nhiệm vụ đánh giá, thiết kế tiêu chí đánh giá sản phẩm học tập và gắn đánh giá thường xuyên với quá trình tổ chức hoạt động học. Chỉ có nội dung “sử dụng nhận xét, phản hồi tích cực để hỗ trợ HS điều chỉnh hoạt động học” đạt mức cao với ĐTB = 3,43. Điều này cho thấy SV có nhận thức nhất định về vai trò của phản hồi nhưng còn hạn chế trong thiết kế công cụ đánh giá cụ thể. Qua phân tích sản phẩm, phần đánh giá trong nhiều KHBD còn thiên về câu hỏi kiểm tra kiến thức, ít có tiêu chí đánh giá sản phẩm học tập hoặc biểu hiện năng lực của HS. Nhìn chung, kết quả khảo sát, phỏng vấn sâu và phân tích sản phẩm đều cho thấy SV đã hình thành bước đầu năng lực thiết kế KHBD theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực. Điểm mạnh của SV là nhận diện được yêu cầu cần đạt, biết lựa chọn nội dung và bước đầu thiết kế các hoạt động học tập tích cực. Tuy nhiên, hạn chế nổi bật nằm ở việc cụ thể hóa mục tiêu bằng biểu hiện quan sát được, điều chỉnh hoạt động học theo bối cảnh HS vùng miền núi, thiết kế học liệu hỗ trợ và xây dựng công cụ đánh giá năng lực HS. Vì vậy, hoạt động bồi dưỡng cần tập trung vào thực hành thiết kế KHBD, phân tích sản phẩm cụ thể, góp ý trực tiếp theo rubric và tăng cường các nhiệm vụ gắn với bối cảnh giáo dục tiểu học ở Tây Nguyên.

3.4. Một số đề xuất bồi dưỡng năng lực thiết kế kế hoạch bài dạy nhằm phát triển năng lực và phẩm chất cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học tại Trường Đại học Tây Nguyên

Từ kết quả khảo sát, phỏng vấn sâu và phân tích sản phẩm KHBD, có thể thấy SV đã hình thành bước

đầu năng lực thiết kế KHBD phát triển năng lực và phẩm chất nhưng vẫn còn hạn chế ở một số khâu như xác định mục tiêu, điều chỉnh hoạt động học theo bối cảnh HS vùng miền núi, lựa chọn học liệu và thiết kế đánh giá. Vì vậy, cần có các biện pháp bồi dưỡng phù hợp, gắn với thực hành và sản phẩm cụ thể. Trước hết, cần giúp SV hiểu rõ bản chất của KHBD phát triển năng lực và phẩm chất thông qua phân tích và so sánh các kế hoạch bài dạy mẫu. Qua đó, SV nhận diện được sự khác biệt giữa KHBD theo định hướng nội dung và KHBD theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực. Bên cạnh đó, cần tăng cường rèn luyện kĩ năng xác định mục tiêu bài học, đặc biệt là viết mục tiêu bằng các động từ có thể quan sát và đánh giá được. SV cần được thực hành chuyển hóa yêu cầu cần đạt trong chương trình thành mục tiêu, hoạt động học và sản phẩm học tập cụ thể. Ngoài ra, cần tổ chức cho SV thực hành thiết kế chuỗi hoạt động học phù hợp với đặc điểm HS tiểu học và bối cảnh Tây Nguyên. Việc sử dụng tình huống thực tiễn, học liệu địa phương và nhiệm vụ học tập gắn gũi sẽ giúp KHBD có tính khả thi hơn. Cuối cùng, cần chú trọng bồi dưỡng năng lực thiết kế kiểm tra, đánh giá trong KHBD. SV cần được hướng dẫn xây dựng câu hỏi, nhiệm vụ đánh giá, tiêu chí đánh giá sản phẩm học tập và nhận phản hồi theo rubric để chỉnh sửa KHBD. Đây là cơ sở giúp SV nâng cao chất lượng sản phẩm thiết kế và đáp ứng tốt hơn yêu cầu đổi mới giáo dục tiểu học.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy SV sư phạm ngành GDTH tại Trường Đại học Tây Nguyên đã có nhận thức tương đối tích cực về vai trò của thiết kế KHBD phát triển năng lực và phẩm chất cho HS. Tuy nhiên, năng lực thực hiện của SV mới đạt ở mức trung bình, còn hạn chế ở một số nội dung như phân biệt KHBD theo định hướng nội dung và định hướng phát triển năng lực, viết mục tiêu có thể quan sát và đánh giá được, điều chỉnh hoạt động học phù hợp với HS vùng miền núi, thiết kế học liệu và xây dựng công cụ đánh giá. Kết quả phỏng vấn sâu và phân tích sản phẩm KHBD cũng cho thấy SV còn phụ thuộc vào mẫu có sẵn, chưa thật sự linh hoạt khi chuyển hóa yêu cầu chương trình thành mục tiêu, hoạt động học và tiêu chí đánh giá cụ thể. Vì vậy, việc bồi dưỡng cần được thực hiện theo hướng tăng cường thực hành, phân tích sản phẩm, phản hồi theo rubric và gắn với bối cảnh giáo dục tiểu học ở Tây Nguyên. Đây là cơ sở giúp nâng cao năng lực nghề nghiệp cho SV, đáp ứng yêu cầu đổi mới GDPT hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019-2021). *Các tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên về hoạt động trải nghiệm, bao gồm Module 1.12; 2.12; 3.12; 4.12*.
- Darling-Hammond, L. (2006). *Powerful Teacher Education: Lessons from Exemplary Programs*. Jossey-Bass, San Francisco.
- Kiểu Thu Linh, Trần Mỹ Ngọc, Đặng Thị Thu Huệ, Đoàn Thị Thúy Hạnh, Trần Bích Hằng, Phan Thị Thu, Lê Quỳnh Như (2024). Kinh nghiệm quốc tế về xây dựng kế hoạch bài dạy theo mô hình dạy học kết hợp và đề xuất cho Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 20(01), 73-80.
- Nguyễn Thị Ngọc (2022). Bồi dưỡng năng lực lập kế hoạch hoạt động trải nghiệm cho giáo viên tiểu học đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông 2018. *Tạp chí Giáo dục*, 22(10), 35-39.
- Nguyễn Thị Phương Nhung (2025). Phát triển năng lực thiết kế bài học cho sinh viên đại học ngành Giáo dục tiểu học theo tiếp cận CDIO. *Tạp chí Tâm lý - Giáo dục*, 31(4), 300-304.
- Nguyễn Thị Hồng Chuyên, Nguyễn Thị Chúc, Nguyễn Vương Thành (2022). Các yếu tố ảnh hưởng tới việc xây dựng kế hoạch bài dạy dựa vào Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 của giáo viên tiểu học miền núi phía Bắc. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục, số đặc biệt tháng 2*, tr. 22-24.
- Phạm Thị Thu Hiền (2023). Xây dựng kế hoạch bài dạy - Kinh nghiệm từ Singapore. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 19(04), 76-80.
- Süral, S. (2019). An examination of pre-service teachers' competencies in lesson planning. *Journal of Education and Training Studies*, 7(3), 1-13.
- Vũ Thị Lan Anh (2024). Thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm hình thành phẩm chất, năng lực cho học sinh tiểu học. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội: Khoa học Giáo dục*, 69(5), 55-65. Doi:10.18173/2354-1075.2024-0117.
- Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Phương Anh (2026). Tổ chức hoạt động trải nghiệm phát triển năng lực sống cho học sinh tiểu học. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội: Khoa học Giáo dục*, 71(1), 80-88.